TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH THỦY** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 7 năm 2024
V/v:Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Trọng Tấn** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Đỗ Thị Minh Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 07 năm 2024. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐ – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Bích P**, sinh năm 1997
Nơi cư trú: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh P
Bị đơn: Anh **Lưu Đức C**, sinh năm 1998
Nơi cư trú: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh P
(Chị Pcó đơn đề nghị xét xử vắng mặt và anh Cvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai – Nguyên đơn chị Bùi Thị Bích P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Đức C kết hôn với nhau ngày 06/09/2022. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện đã sống ly thân. Từ tháng 12/2023 chị đã về nhà bố mẹ đẻ để ở tại khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh P. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lưu Đức C.

Về con chung: Chị xác định chị và anh Lưu Đức C có 01 con chung là cháu Lưu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/01/2023. Hiện nay cháu K đang chung sống cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi cháu K, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định chị và anh Lưu Đức C không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lưu Đức C đến làm việc và thông báo cho anh C đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh C đều vắng mặt không đến mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lưu Đức C.

Trong biên bản lấy lời khai, bà Trần Thị M là mẹ đẻ của anh Lưu Đức C trình bày: Anh Lưu Đức C và chị Bùi Thị Bích P kết hôn với nhau năm 2022. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn, anh C và chị P chung sống cùng nhau một thời gian ngắn thì chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại huyện C, tỉnh P để ở, còn anh C vẫn cư trú cùng bà tại khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh P. Việc chị P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ giải quyết ly hôn, anh C biết sự việc, tuy nhiên vì bận công việc nên không đến Tòa án để làm việc. Thông qua trao đổi trực tiếp, anh C truyền đạt với bà là anh C không đồng ý ly hôn với chị P. Về con chung: Anh Lưu Đức C và chị Bùi Thị Bích P có 01 con chung là cháu Lưu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/01/2023, hiện đang ở cùng với chị P. Chị P đưa cháu K về nhà ngoại để ở tại huyện C, tỉnh P. Nguyện vọng của anh C muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc tốt cho cháu K; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Lưu Đức C và chị Bùi Thị Bích P không có gì.

Bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện để anh C, chị P có thêm thời gian hàn gắn tình cảm. Các văn bản tố tụng của Tòa án bà nhận thay và cam đoan giao ngay cho anh Lưu Đức C được biết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đào Xá, xác định: Chị Bùi Thị Bích P và anh Lưu Đức C có năm sinh và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nêu trên đăng ký kết hôn với nhau ngày 06/09/2022 tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chung sống với nhau tại xã Đ một thời gian ngắn thì chị P bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị P tại huyện C để ở, còn anh C vẫn cư trú tại khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh P và chung hộ với bà Trần Thị M, sinh năm 1977 (là mẹ đẻ của anh C). Giữa anh C, chị P có phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh C và chị P có với nhau 01 con chung là cháu Lưu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/01/2023. Hiện chị P đã đưa cháu K về sinh sống tại nhà ngoại tại huyện C, tỉnh P. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án dân sự bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Bích P, xử cho chị Bùi Thị Bích P được ly hôn anh Lưu Đức C; Về con chung: Giao cháu Lưu Nguyễn Gia K cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu K thành niên; anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này; Về án phí: Chị Bùi Thị Bích P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bị đơn đang cư trú tại huyện T, tỉnh P, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thông báo cho anh Lưu Đức C về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh C đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh C đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, tống đạt văn bản tố tụng cho anh C theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Căn cứ Điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Bích P và anh Lưu Đức C kết hôn với nhau năm 2022, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh P. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị P, anh C đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân và không còn thực tế chung sống. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn anh C. Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Bích P, xử cho chị Bùi Thị Bích P được ly hôn anh Lưu Đức C.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị Bích P và anh Lưu Đức C xác định có 01 con chung là cháu Lưu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/01/2023. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị P. Ly hôn, chị P đề nghị được quyền trực tiếp nuôi cháu K, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của chị Bùi Thị Bích P là phù hợp, hiện cháu K đang ở cùng chị P, cháu còn quá nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đề nghị giao cháu K cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu K thành niên. Vì vậy cần giao cháu K cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K thành niên và đồng thời đảm bảo cho cháu K cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Anh Lưu Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị Bích P vì chị P không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Bùi Thị Bích P không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Bùi Thị Bích P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Bích P về việc xin ly hôn anh Lưu Đức C. Xử cho chị Bùi Thị Bích P được ly hôn anh Lưu Đức C.

3. Về con chung: Giao cháu Lưu Nguyễn Gia K, sinh ngày 01/01/2023 cho chị Bùi Thị Bích P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi thành niên. Anh Lưu Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P vì chị P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Lưu Đức C có có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Bích P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003724 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.(Xác nhận chị P đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy